

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
GIỐNG CÂY
TRỒNG
VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG
CÂY TRỒNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận
Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG
CÂY TRỒNG VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:0101449271
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2025-04-24 16:46:17
Foxit PhantomPDF Version:
9.5.0



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 03 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.814.632.191.692	1.290.546.146.074
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	198.938.389.254	278.670.806.878
1. Tiền	111	177.938.389.254	263.170.806.878
2. Các khoản tương đương tiền	112	21.000.000.000	15.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	18.027.221.918	2.027.221.918
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	18.027.221.918	2.027.221.918
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	427.478.005.593	444.365.279.534
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	223.306.208.451	273.993.260.605
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	77.637.893.265	52.899.443.034
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	100.000.000.000	100.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	28.999.035.842	20.513.825.773
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(2.465.131.965)	(3.041.249.878)
IV. Hàng tồn kho	140	1.147.207.033.538	553.662.512.419
1. Hàng tồn kho	141	1.155.284.147.247	561.973.732.061
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(8.077.113.709)	(8.311.219.642)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	22.981.541.389	11.820.325.325
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8.290.955.831	2.666.577.901
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	8.361.925.203	7.029.496.561
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	6.328.660.355	2.124.250.863
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	842.378.788.893	864.318.206.335
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	2.114.960.000	824.714.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	2.114.960.000	824.714.000
II. Tài sản cố định	220	754.420.256.878	767.788.543.772
1. TSCĐ hữu hình	221	534.733.204.900	546.870.342.573
- Nguyên giá	222	991.507.719.612	997.780.553.784
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(456.774.514.712)	(450.910.211.211)
2. TSCĐ vô hình	227	219.687.051.978	220.918.201.199
- Nguyên giá	228	270.614.585.343	270.614.585.343
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(50.927.533.365)	(49.696.384.144)
III. Bất động sản đầu tư	230	10.510.201.568	10.832.299.274
- Nguyên giá	231	14.808.361.147	14.808.361.147
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(4.298.159.579)	(3.976.061.873)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10.645.075.582	10.580.075.582
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10.645.075.582	10.580.075.582
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	26.061.735.380	26.061.735.380
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	26.061.735.380	26.061.735.380
VI. Tài sản dài hạn khác	260	38.626.559.485	48.230.838.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	29.044.675.483	31.382.086.850
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8.762.170.002	11.039.285.519
4. Tài sản dài hạn khác	268	819.714.000	
5. Lợi thế thương mại	269		5.809.465.958
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	2.657.010.980.585	2.154.864.352.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 03 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1.105.538.191.748	634.219.457.983
I. Nợ ngắn hạn	310	1.072.932.226.253	601.584.763.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	96.601.171.120	121.338.285.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.363.783.281	19.656.585.328
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8.552.162.601	22.502.222.650
4. Phải trả người lao động	314	4.686.284.692	28.814.530.264
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19.519.810.338	14.637.945.284
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	735.189.457	320.192.727
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	138.198.101.131	172.681.992.925
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	775.153.239.112	195.464.591.706
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15.122.484.521	26.168.416.875
II. Nợ dài hạn	330	32.605.965.495	32.634.694.418
1. Phải trả dài hạn khác	337	1.247.667.600	1.273.495.800
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31.358.297.895	31.361.198.618
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	1.551.472.788.837	1.520.644.894.426
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.551.472.788.837	1.520.644.894.426
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A	175.869.880.000	175.869.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	331.245.527.850	331.245.527.850
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	7.958.080.000	7.958.080.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(50.000.000)	(50.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	547.163.274.591	553.630.432.503
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	394.888.003.408	358.200.813.202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	357.875.813.202	162.068.312.500
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	37.012.190.206	196.132.500.702
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	429	94.398.022.988	93.790.160.871
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440	2.657.010.980.585	2.154.864.352.409

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Phan Thế Tý

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã Số	CHỈ TIÊU	Quý này		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	378.733.045.302	365.316.126.953	378.733.045.302	365.316.126.953
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	10.549.713.555	14.813.937.463	10.549.713.555	14.813.937.463
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	368.183.331.747	350.502.189.490	368.183.331.747	350.502.189.490
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	257.448.079.496	233.038.705.701	257.448.079.496	233.038.705.701
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	110.735.252.251	117.463.483.789	110.735.252.251	117.463.483.789
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.832.633.373	5.364.929.924	3.832.633.373	5.364.929.924
22	7. Chi phí tài chính	5.050.079.840	4.547.905.076	5.050.079.840	4.547.905.076
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	4.153.473.979	3.428.647.598	4.153.473.979	3.428.647.598
25	8. Chi phí bán hàng	31.550.664.042	35.716.966.697	31.550.664.042	35.716.966.697
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.268.371.979	35.624.786.086	29.268.371.979	35.624.786.086
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	48.698.769.763	46.938.755.854	48.698.769.763	46.938.755.854
31	11. Thu nhập khác	7.705.256	650.224.092	7.705.256	650.224.092
32	12. Chi phí khác	531.498.628	1.574.997.622	531.498.628	1.574.997.622
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	(523.793.372)	(924.773.530)	(523.793.372)	(924.773.530)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.174.976.391	46.013.982.324	48.174.976.391	46.013.982.324
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.279.085.817	8.424.835.247	8.279.085.817	8.424.835.247
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	2.277.115.516	1.245.178.336	2.277.115.516	1.245.178.336
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.618.775.058	36.343.968.741	37.618.775.058	36.343.968.741

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý này		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	37.012.190.206	35.479.435.233	37.012.190.206	35.479.435.233
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	606.584.852	864.533.508	606.584.852	864.533.508
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.106	1.762	2.106	1.762
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.106	1.762	2.106	1.762

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Phan Thế Tý



Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ		
	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Lợi nhuận trước thuế	48.174.976.391	46.031.299.824
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
2	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	28.679.631.046	20.342.161.106
3	Dự phòng /(hoàn nhập dự phòng)	(810.223.846)	(314.531.680)
4	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	488.744.974	(565.262.554)
5	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.563.443.625)	(3.715.781.056)
6	Chi phí lãi vay	4.153.473.979	3.428.647.598
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	79.123.158.919	65.206.533.238
9	Tăng các khoản phải thu	20.088.275.831	(17.046.157.993)
10	Tăng hàng tồn kho	(593.310.415.186)	(315.705.395.464)
11	Tăng các khoản phải trả	(36.818.394.497)	(48.619.850.898)
12	Tăng chi phí trả trước	(3.286.966.563)	(1.921.840.260)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	-	
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.173.096.109)	(3.195.145.985)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(22.133.454.951)	(23.683.929.012)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(14.974.734.586)	(12.750.562.762)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(575.485.627.142)	(357.716.349.136)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ		
	HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(34.345.817.572)	(2.903.204.054)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		109.336.364
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(16.000.000.000)	(3.000.000.000)
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		60.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.577.021.706	5.340.686.821
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(48.768.795.866)	59.546.819.131
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ		
	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền thu từ đi vay	693.939.883.736	340.702.395.465
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(114.251.236.330)	(203.990.360.391)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát	(35.149.032.000)	(35.780.525.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	544.539.615.406	100.931.509.764
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(79.714.807.602)	(197.238.020.241)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	278.670.806.878	478.493.214.743
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(17.610.022)	565.262.554
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	198.938.389.254	281.820.457.056

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý

Nguyễn Quang Trường



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 15 với mã số 0101449271 do Sở Tài Chính cấp ngày 10/03/2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính :Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

➤ Đến ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội	53,80%	53,80%	Phường Lãm, Hà Nội	Phú Đông, Hà Nội Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	83,74%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy CB thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (**)	98,92%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến nông sản và hạt giống cây trồng
7	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (***)	98,92%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và KD nông sản

- (*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.
- (**) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.
- (***) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty nắm giữ gián tiếp qua công ty con Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam.
- Tại ngày 31/03/2025 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 648 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Trà My	- Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	- Thành viên HĐQT độc lập
Ông Trần Đình Long	- Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Trung Dũng	- Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)

➤ BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Trưởng ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	- Thành viên bổ nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)
Ông Lương Ngọc Thái	- Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 04 năm 2025)

➤ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quang Trường	- Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đình Trung	- Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH.

1. Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.
3. Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

III. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2014 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ :** Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
3. **Ước tính kế toán** việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

e. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

e. Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và trang thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định vô hình	
Bản quyền, bằng sáng chế	5 - 20
Phần mềm máy tính	5 - 6
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty đều là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng hạ tầng tại Hà Nam, chi phí hợp tác đầu tư, chi phí sửa chữa, cải tạo và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam chi phí này sẽ được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất (Công ty được miễn tiền thuê đất 12 năm 5 tháng, từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 5 năm 2032). Chi phí này được phân bổ theo thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064.

Chi phí hợp tác đầu tư thể hiện khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam - công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam. Căn cứ theo hợp đồng, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện của Dự án là 20 năm. Công ty được phân chia 25% lợi nhuận từ dự án này. Chi phí đầu tư cho dự án được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

Chi phí sửa chữa, cải tạo là các chi phí dùng bảo dưỡng, thay thế những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại trạng thái ban đầu của tài sản đảm bảo quá trình sản xuất liên tục.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bao bì, tem nhãn, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này công ty phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

19. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng cho công nhân viên, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Năm 2025 công ty áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%.

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

26. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam; Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

➤ Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

➤ Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	1.371.840.757	3.196.315.214
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	176.566.548.497	259.974.491.664
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	15.500.000.000
Cộng	198.938.389.254	278.670.806.878

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	18.027.221.918	2.027.221.918
Cộng	18.027.221.918	2.027.221.918

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	31/03/2025		31/12/2024	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (i)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

(i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2025 (VND)			31/12/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed	26.061.735.380			26.061.735.380		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Phải thu khách hàng:		
Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DVTM		
Tổng hợp Vincommerce	3.626.499.121	54.818.929.875
Phải thu khách hàng khác	219.679.709.330	219.174.330.730
Cộng	223.306.208.451	273.993.260.605
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.465.131.965)	(3.041.249.878)

4. Trả trước cho người bán

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Trả trước cho nhà thầu	11.301.391.038	2.055.675.014
CÔNG TY TNHH MTV CƠ ĐIỆN VÀ		
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HTG	-	445.797.391
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT XÂY DỰNG		
ZEN-D	1.734.078.994	537.779.623
Công ty CP M&E Đông Dương	-	668.690.000
Công ty TNHH Công Nghệ Tòa Nhà		
Xuân Long	1.164.144.222	
Guangxi Pingxiang Shengrong Trading		
Co., Ltd	5.188.905.698	
<i>Trả trước cho nhà thầu khác</i>	3.214.262.124	403.408.000
Trả trước cho các người bán	66.336.502.227	50.843.768.020
Phạm Phú Quốc	9.119.018.580	
Công ty TNHH MTV Huỳnh Dư	-	1.663.200.000
Trần Văn Cư	-	4.409.479.575
Trả trước cho nhà cung cấp khác	57.217.483.647	44.771.088.445
Cộng	77.637.893.265	52.899.443.034

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2025 (VND)		31/12/2024 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	1.491.624.565		1.775.843.834	
Tạm ứng cho nhân viên	3.602.272.234		2.080.211.943	
BHXH, KPCĐ	334.318.874		328.449.461	
Thù lao HĐQT, BKS	3.036.767.344		3.676.935.450	
Khoản 01	2.541.068.828		251.110.928	
Chi phí giải phóng mặt bằng	2.114.960.000		2.114.960.000	
Phải thu khác	15.878.023.997		10.286.314.151	
Cộng	28.999.035.842		20.513.825.773	

6. Nợ xấu

	31/03/2025 (VND)		31/12/2024 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
Khách hàng khác	2.465.131.965		3.041.249.878	
Cộng	2.465.131.965		3.041.249.878	

7. Hàng tồn kho

	31/03/2025 (VND)		31/12/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	84.511.806.442		80.001.744.621	1.877.039.879
Công cụ, dụng cụ	3.249.222.295		1.992.846.139	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.479.164.388		5.279.556.347	
Thành phẩm	1.058.361.180.794	8.077.113.709	471.430.476.019	6.392.910.411
Hàng hoá	2.682.773.328		3.269.108.935	41.269.352
Cộng	1.155.284.147.247	8.077.113.709	561.973.732.061	8.311.219.642

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2025 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Chi phí cải tạo và sửa chữa	5.140.375.124	5.140.375.124
Chi phí phát triển các phần mềm	1.381.009.000	1.381.009.000
Dự án khác	4.123.691.458	4.058.691.458
Cộng	10.645.075.582	10.580.075.582

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	571.047.480.433	346.489.886.215	63.528.412.112	7.623.069.809	9.091.705.215	997.780.553.784
Tăng trong năm	367.840.000	1.992.819.162				2.360.659.162
Thanh lý						-
Tăng/giảm khác	(497.761.034)	(7.012.418.047)	(1.123.314.253)			(8.633.493.334)
Số dư cuối năm	570.917.559.399	341.470.287.330	62.405.097.859	7.623.069.809	9.091.705.215	991.507.719.612
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	218.273.027.207	182.288.025.424	38.576.535.354	6.865.471.507	4.907.151.719	450.910.211.211
Khấu hao trong năm	6.076.775.788	6.240.586.907	1.006.472.874	43.840.560	222.934.702	13.590.610.831
Thanh lý						-
Tăng/giảm khác	(497.761.034)	(7.012.418.047)	(216.128.249)			(7.726.307.330)
Số dư cuối năm	223.852.041.961	181.516.194.284	39.366.879.979	6.909.312.067	5.130.086.421	456.774.514.712
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	352.774.453.226	164.201.860.791	24.951.876.758	757.598.302	4.184.553.496	546.870.342.573
Số dư cuối năm	347.065.517.438	159.954.093.046	23.038.217.880	713.757.742	3.961.618.794	534.733.204.900
IV. Tài sản hết giá trị khấu hao vẫn sử dụng	81.426.085.913	62.599.383.441	24.228.019.570	5.273.592.172	1.057.570.315	174.584.651.411

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Nội dung	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	67.644.953.560	31.237.850.000	11.442.600.774	4.274.560.920	270.614.585.343
Tăng trong năm			-	-		-
Thanh lý						-
Phan loại lại						-
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.644.953.560	31.237.850.000	11.442.600.774	4.274.560.920	270.614.585.343
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		22.628.773.953	19.231.415.867	6.115.746.026	1.720.448.298	49.696.384.144
Khấu hao trong năm		121.979.792	536.670.834	509.692.545	62.806.050	1.231.149.221
Thanh lý		-	-	-	-	-
Phan loại lại		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	22.750.753.745	19.768.086.701	6.625.438.571	1.783.254.348	50.927.533.365
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	45.016.179.607	12.006.434.133	5.326.854.748	2.554.112.622	220.918.201.199
Số dư cuối năm	156.014.620.089	44.894.199.815	11.469.763.299	4.817.162.203	2.491.306.572	219.687.051.978
IV. Tài sản hết giá trị khấu hao vẫn sử dụng		1.629.311.770	10.930.350.000	3.085.150.824		15.644.812.594

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa,
vật kiến trúc**Nguyên giá:**

Số đầu năm 14.808.361.147

Tăng trong năm

Số cuối năm 14.808.361.147

Trong đó:

Đã khấu hao hết 1.985.661.793

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm 3.976.061.873

Tăng trong năm 322.097.706

Số cuối năm 4.298.159.579

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 10.832.299.274

Số cuối năm 10.510.201.568

12. Chi phí trả trước31/03/2025
(VND)31/12/2024
(VND)**a. Ngắn hạn**Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
xuất dùng

5.084.489.965

1.426.165.657

Chi phí sửa chữa, cải tạo

490.444.476

553.067.154

Chi phí chờ phân bổ

210.790.020

200.058.676

Khác

2.505.231.370

487.286.414

Cộng**8.290.955.831****2.666.577.901****b. Chi phí dài hạn**

Chi phí sửa chữa, cải tạo

3.182.776.266

6.463.564.212

Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng

8.882.848.537

11.038.314.102

Chi phí hợp tác đầu tư

5.603.624.930

5.692.571.352

Công cụ, dụng cụ

7.290.227.902

4.426.483.516

Tiền thuê đất

3.915.640.050

3.012.660.691

Khác

169.557.798

748.492.977

Cộng**29.044.675.483****31.382.086.850**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Lợi thế thương mại tại ngày 31/03/2025**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	255.037.265.488	26.557.087.281	1.911.006.045	226.569.172.162
Tăng trong năm	5.809.465.958			5.809.465.958
Số dư cuối năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	5.809.465.958	-		5.809.465.958
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	775.153.239.112	775.153.239.112	693.939.883.736	114.251.236.330	195.464.591.706	195.464.591.706
Vay ngân hàng ngắn hạn	775.153.239.112	775.153.239.112	693.939.883.736	114.251.236.330	195.464.591.706	195.464.591.706
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	775.153.239.112	775.153.239.112	693.939.883.736	114.251.236.330	195.464.591.706	195.464.591.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Công ty vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	276.013.740.676	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Phạm Hùng	10.001.576.492	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	77.415.147.706	Công ty CP T GCT Miền Nam	Tín chấp
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CN SÀI GÒN	49.697.347.843	Công ty CP T GCT Miền Nam	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	92.524.129.514	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	93.292.917.170	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long	176.208.379.711	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam	Tín chấp
TỔNG CỘNG	775.153.239.112		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)		31/12/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	792.604.274	792.604.274	1.347.753.248	1.347.753.248
Phải trả người bán	95.808.566.846	95.808.566.846	119.990.532.558	119.990.532.558
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	9.263.329.933	9.263.329.933	65.078.509.292	65.078.509.292
- CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN MINH SANG	13.194.130.070	13.194.130.070		
- Phải trả người bán khác	73.351.106.843	73.351.106.843	54.912.023.266	54.912.023.266
b Phải trả dài hạn				
Cộng	96.601.171.120	96.601.171.120	121.338.285.806	121.338.285.806

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Asia-Foods	2.078.758.397	1.540.893.491
Phạm Ngọc Minh	-	2.730.715.000
Người mua trả tiền trước	12.285.024.884	15.384.976.837
CỘNG	14.363.783.281	19.656.585.328

17. Chi phí phải trả

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	19.519.810.338	14.637.945.284
Chi phí lãi vay	-	101.095.890
Chi phí mua bản quyền	1.277.226.150	1.334.365.100
Chi phí sản xuất	6.598.074.610	
Chi phí phải trả khác	11.644.509.578	13.202.484.294
b Phải trả dài hạn	32.605.965.495	32.634.694.418
Phải trả dài hạn khác	1.247.667.600	1.273.495.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.358.297.895	31.361.198.618

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước****Thuế phải thu**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.565.065		269.979.603	289.544.668
Thuế thu nhập cá nhân	2.104.685.798		3.927.655.589	6.032.341.387
Thuế khác			6.774.300	6.774.300
TỔNG CỘNG	2.124.250.863	-	4.204.409.492	6.328.660.355

Thuế phải trả

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	1.022.564.236	1.468.187.227	1.961.143.664	529.607.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.693.213.421	8.281.357.706	21.837.018.314	7.137.552.813
Thuế thu nhập cá nhân	405.058.445	9.406.573.960	9.757.356.964	54.275.441
Thuế khác	381.386.548	983.575.004	534.235.004	830.726.548
TỔNG CỘNG	22.502.222.650	20.139.693.897	34.089.753.946	8.552.162.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Phải trả khác**

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Cổ tức phải trả	8.357.727.375	35.280.009.375
Lãi vay phải trả	1.529.043.914	791.870.154
Tiền trợ cấp mất việc làm và phải trả CBCNV đã nộp thuế	11.971.547.512	11.971.547.512
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Dự án	-	-
Phải trả CKTM, HTVC, thưởng cho khách hàng	1.785.359.151	16.761.970.785
CTY CỔ PHẦN DAEWON CANTAVIL	23.816.250.000	23.816.250.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL	76.183.750.000	76.183.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.514.423.179	4.836.595.099
Cộng	138.198.101.131	172.681.992.925

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Doanh thu nhận trước ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước dài hạn	1.247.667.600	1.273.495.800
Cộng	1.247.667.600	1.273.495.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu:**

ĐVT: VND

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000		331.245.527.850	-50.000.000	509.428.844.839	339.877.961.131	89.762.952.222	1.446.135.166.042
Lợi nhuận trong năm						217.949.064.379	7.628.743.144	225.577.807.523
Phân bổ vào các quỹ					81.164.985.732	(81.164.985.732)		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi						(41.021.364.673)	(761.607.751)	(41.782.972.424)
Chia cổ tức						(70.298.064.000)	(2.219.199.000)	(72.517.263.000)
Thù lao hội đồng quản trị						(4.871.742.158)	(463.632.357)	(5.335.374.515)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu		7.958.080.000			(7.023.803.868)	(934.276.132)		
Sử dụng quỹ					(29.939.594.200)			(29.939.594.200)
Tăng/Giam khác						(1.335.779.613)	(157.095.387)	(1.492.875.000)
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	-50.000.000	553.630.432.503	358.200.813.202	93.790.160.871	1.520.644.894.426



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	553.630.432.503	358.200.813.202	93.790.160.871	1.520.644.894.426
Lợi nhuận trong năm						37.012.190.206	606.584.852	37.618.775.058
Phân bổ vào các quỹ						-		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi						-	-	-
Chia cổ tức						-	-	-
Thủ lao hội đồng quản trị						-	-	-
Sử dụng quỹ					(6.467.157.912)			(6.467.157.912)
Tăng/Giam khác						(325.000.000)	1.277.265	(323.722.735)
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	547.163.274.591	394.888.003.408	94.398.022.988	1.551.472.788.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	34.958.090.000	34.958.090.000
- Cổ phiếu quỹ	124.720.000	124.720.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

d. Cổ phiếu

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông. trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	30%-40%	40%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

f. Quỹ đầu tư phát triển

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Số dư đầu năm	553.630.432.503	509.428.844.839
Trích lập trong năm		12.727.324.448
Sử dụng trong năm	6.467.157.912	7.126.828.336
Số dư cuối năm	547.163.274.591	515.029.340.951

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	105.437.845.219	105.437.845.219
c, Ngoại tệ các loại:	-	-
- Đô la Mỹ (USD)	940.303,40	1.137.404,70
- Euro (EURO)	11.665,35	11.660,15
- Nhân dân tệ (CNY)	80.316,21	80.316,21
d, Nợ khó đòi đã xử lý	11.153.521.184	11.112.933.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**VI. Thông tin bổ sung cho các**

khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Doanh thu bán hàng	371.114.633.330	360.976.874.153
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.618.411.972	4.339.252.800
Cộng	378.733.045.302	365.316.126.953

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chiết khấu thương mại	6.102.992.381	4.525.845.454
Giảm giá hàng bán	-	117.158.600
Hàng bán bị trả lại	4.446.721.174	10.170.933.409
Cộng	10.549.713.555	14.813.937.463

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	257.213.973.563	233.225.378.237
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho thuần	234.105.933	(186.672.536)
Cộng	257.448.079.496	233.038.705.701

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lãi chênh lệch tỷ giá	953.290.809	1.530.231.218
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.693.993.978	3.623.918.444
Doanh thu hoạt động tài chính khác	185.348.586	210.780.262
Cộng	3.832.633.373	5.364.929.924

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí lãi vay	4.153.473.979	3.428.647.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.164.922	28.296.968
Chiết khấu thanh toán	887.440.939	1.090.960.510
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	5.050.079.840	4.547.905.076

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
a. Chi phí bán hàng	31.550.664.042	35.716.966.697
Chi phí nhân viên	3.313.285.273	4.944.886.117
Chi phí mua ngoài	9.167.751.482	12.038.649.589
Chi phí khấu hao	1.068.648.412	941.662.563
Các khoản chi phí bán hàng khác	18.000.978.875	17.791.768.428
b. Chi phí quản lý	29.268.371.979	35.624.786.086
Chi phí nhân viên	7.842.049.117	11.678.625.957
Chi phí khấu hao	3.354.885.287	2.566.430.586
Các khoản chi phí QLDN khác	12.261.971.617	15.535.781.796
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	5.809.465.958	5.843.947.747

7. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Thu nhập khác	7.705.256	650.224.092
Thu nhập từ bồi thường	-	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	109.336.364
Thu nhập khác	7.705.256	540.887.728
Chi phí khác	531.498.628	1.574.997.622
Chi phí phạt	-	-
Chi phí khác	531.498.628	1.574.997.622
Cộng	(523.793.372)	(924.773.530)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	829.515.098.874	515.732.675.518
Chi phí nhân công	19.400.303.933	24.331.102.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.306.730.314	11.069.583.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.362.696.962	30.240.409.749
Chi phí bằng tiền khác	19.289.132.686	21.954.395.202
Cộng	923.873.962.769	603.328.166.380

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	8.279.085.817	8.424.835.247
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	2.277.115.516	1.245.178.336

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 31/03/2025	Tại 31/03/2024 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	37.012.190.206	35.479.435.233
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS		(4.516.353.796)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	37.012.190.206	30.963.081.437
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.106	1.762

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	693.939.883.736	340.702.395.465
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	114.251.236.330	203.990.360.391
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Lợi nhuận sau thuế**

	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Lợi nhuận sau thuế	37.618.775.058	36.343.968.741
Cộng	37.618.775.058	36.343.968.741

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2025 tăng 3,51% so với quý 1 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

2. Các giao dịch với các bên liên quan

2.1. Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn
4	Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn
5	Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

2.2. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	Thành viên Ban Kiểm soát

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

		Đơn vị tính: VND	
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	
		Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	
		Cổ tức đã trả	28.157.414.000
		Lãi vay đã nhận	1.232.876.712
		Thu lãi cho vay	1.671.232.876
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	107.968.000
Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	712.222.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

			Ngày 31/03/2025	Ngày 31/12/2024
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức		28.157.414.000
Phải thu				
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Phải thu về cho vay	100.000.000.000	100.000.000.000
	Công ty mẹ tối cao	Phải thu lãi cho vay	1.232.876.712	1.671.332.876
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Ứng trước tiền hợp tác kinh doanh	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dung PAN	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	62.703.905	
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng	106.682.000	
Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả người bán ngắn hạn	452.914.500	201.264.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT		
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT độc lập		
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT độc lập		
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT độc lập		
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, TGD		
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGD		
THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát		
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát		
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát		
THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		5.425.870.000	3.307.199.992
Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	2.056.686.000	1.163.380.000
Các thành viên ban điều hành	Phó TGD, KTT	3.369.184.000	2.143.819.992
TỔNG CỘNG		5.425.870.000	3.307.199.992

3. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	31/03/2025 (VND)	31/12/2024 (VND)
Đến 1 năm	4.317.827.747	4.351.709.926
Trên 1 – 5 năm	11.033.063.788	11.163.011.788
Trên 5 năm	57.657.898.970	57.868.589.824
Cộng	73.008.790.505	73.383.311.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau kỳ quyết toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

5. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Trường

